



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 08/2024

I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024, quy định về:

1.1. Tiền sử dụng đất (bao gồm tính, thu, nộp, miễn, giảm tiền sử dụng đất; xử lý kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; ghi nợ tiền sử dụng đất) quy định tại điểm a khoản 1 Điều 153 Luật Đất đai trong các trường hợp:

- Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang loại đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh quyết định giao đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, cho phép chuyển hình thức sử dụng đất, cho phép sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo quy định của pháp luật mà phát sinh nghĩa vụ về tiền sử dụng đất.

1.2. Tiền thuê đất (bao gồm tính, thu, nộp, miễn, giảm tiền thuê đất; xử lý kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) quy định tại điểm b khoản 1 Điều 153 Luật Đất đai trong các trường hợp:

- Nhà nước cho thuê đất (bao gồm cả đất có mặt nước).
- Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang loại đất thuộc trường hợp Nhà nước cho thuê đất và phải nộp tiền thuê đất.
- Nhà nước cho thuê đất để xây dựng công trình ngầm trong lòng đất có mục đích kinh doanh mà công trình này không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất; đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác, sử dụng công trình ngầm quy định tại Điều 216 Luật Đất đai.
- Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quyết định cho thuê đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, cho phép chuyển hình thức sử dụng đất, cho phép sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo quy định của pháp luật thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất theo quy định.

1.3. Tiền nộp bổ sung (tiền sử dụng đất tăng thêm, tiền thuê đất tăng thêm) đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư mà không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất quy định tại khoản 8 Điều 81, điểm đ khoản 1 Điều 153 Luật Đất đai.

2. Quyết định số 1707/QĐ-BTC ngày 22/7/2024 của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh, bổ sung bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy

Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá điều chỉnh, bổ sung Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy ban hành kèm theo Quyết định số 2353/QĐ-BTC ngày 31/10/2023 và Quyết định số 449/QĐ-BTC ngày 15/03/2024. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25/7/2024.

3. Thông tư số 52/2024/TT-BTC ngày 23/7/2024 của Bộ Tài chính bãi bỏ một số thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong lĩnh vực thuế

Theo đó, bãi bỏ toàn bộ các Thông tư sau đây:

1. Thông tư số 181/2009/TT-BTC ngày 14/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 96/2009/QĐ-TTg ngày 22/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg.
2. Thông tư số 11/2010/TT-BTC ngày 19/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.
3. Thông tư số 151/2010/TT-BTC ngày 27/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng các loại thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với Quỹ phát triển đất quy định tại Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.
4. Thông tư số 176/2010/TT-BTC ngày 05/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp trích trước vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp để tạo nguồn hỗ trợ cho các huyện nghèo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.
5. Thông tư số 104/2011/TT-BTC ngày 12/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2010/TT-BTC ngày 19/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.
6. Thông tư số 30/2013/TT-BTC ngày 18/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn lại tiền thuế bảo vệ môi trường đối với túi ni lông làm bao bì đóng gói sẵn hàng hóa theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ.
7. Thông tư số 141/2013/TT-BTC ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng.
8. Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 5/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10/9/2024.



II. CÔNG VĂN MỚI ĐÁNG LƯU Ý

1. Công văn số 3115/TCT-CS ngày 19/7/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế

Tổng cục Thuế ý kiến về chính sách thuế đối với nhà cung cấp nước ngoài như sau:

1.1. Về nghĩa vụ kê khai, khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp nước ngoài tại Việt Nam

Trường hợp nhà cung cấp nước ngoài đã thực hiện đăng ký, kê khai và nộp thuế theo quy định tại Điều 76, 77, 78 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính thì nhà cung cấp nước ngoài **thực hiện trực tiếp** tại **Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế**.

1.2. Về kê khai và khấu trừ thuế GTGT

Một trong các điều kiện để được **khấu trừ thuế GTGT đầu vào** là **có hóa đơn GTGT** của dịch vụ mua vào hoặc **chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu** hoặc **chứng từ nộp thuế GTGT** thay cho phía nước ngoài. Theo hóa đơn được đính kèm theo công văn hỏi của nhà cung cấp nước ngoài thì đây không phải là hóa đơn GTGT dành cho tổ chức khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ theo 2 quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ, do đó, không đáp ứng điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định.

1.3. Về xác định chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Trường hợp doanh nghiệp tại Việt Nam nhận được **hóa đơn, chứng từ** từ nhà cung cấp nước ngoài cho các dịch vụ **liên quan đến hoạt động kinh doanh** của doanh nghiệp mang tên, địa chỉ, mã số thuế của doanh nghiệp và **đáp ứng các điều kiện thanh toán** theo quy định của pháp luật thì **được tính vào chi phí được trừ** khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN (bao gồm cả khoản tiền đã trả mà nhà cung cấp nước ngoài xác định là thuế GTGT được thể hiện trên hóa đơn, chứng từ của nhà cung cấp nước ngoài xuất cho doanh nghiệp Việt Nam).

2. Công văn số 3087/TCT-CS ngày 18/7/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế

- Căn cứ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế và thực hiện ý kiến của Lãnh đạo Chính phủ tại văn bản số 551/TB-VPCP ngày 28/11/2017 của Văn phòng Chính phủ, về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính đã có các công văn hướng dẫn: công văn số 11391/BTC-TCT ngày 18/9/2020 gửi Kiểm toán Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo, công văn số 7616/BTC-CST ngày 12/7/2021 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, công văn số 13387/BTC-CST ngày 04/12/2023 gửi Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Tổng cục Thuế đã có công văn số 3002/TCT-CS ngày 28/7/2020 gửi Cục Thuế tỉnh Bình Phước, Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về chính sách thuế TNDN đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục.
- Theo đó, về nguyên tắc đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác **không phải là doanh nghiệp** thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế TNDN mà các đơn vị này hạch toán được doanh thu nhưng **không xác định được chi phí, thu nhập** của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế TNDN tính **theo tỷ lệ % trên doanh thu** bán hàng hóa, dịch vụ.



3. Công văn số 3124/TCT-CS ngày 19/07/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách miễn tiền thuê đất

Công ty thực hiện Dự án tại địa bàn thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn chỉ được áp dụng mức ưu đãi miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất theo điểm c Khoản 10 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP. ngày 15/5/2014 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ- CP ngày 09/9/2016 **sau khi làm đủ các thủ tục** để được miễn, giảm tiền thuê đất (trừ trường hợp công ty lựa chọn mức ưu đãi khác trong các mức ưu đãi được hưởng).

4. Công văn số 3153/TCT-DNNCN ngày 23/7/2024 của Tổng cục Thuế tăng cường công tác quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử (TMĐT)

Theo đó, để tiếp tục quản lý thuế hiệu quả đối với hoạt động TMĐT, bảo đảm huy động tích cực các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách trong những năm tới, Tổng cục Thuế đề nghị:

4.1. **Tăng cường công tác tuyên truyền** cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kinh doanh TMĐT, livestream bán hàng, kinh doanh trên nền tảng số, thông qua thực hiện đồng bộ các hình thức tuyên truyền như: tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, truyền hình, ...); tổ chức hội nghị tập huấn chính sách thuế.

4.2. Chú trọng **rà soát, thường xuyên cập nhật, làm giàu cơ sở dữ liệu** về thương mại điện tử để có đủ thông tin đầu vào phục vụ công tác quản lý thuế.

4.3. **Tích cực khai thác cơ sở dữ liệu** về TMĐT đã được Tổng cục Thuế vận hành và phân quyền cho các địa phương từ các nguồn dữ liệu: thông tin do Sàn TMĐT cung cấp, thông tin thu thập được qua công tác thanh tra kiểm tra, thông tin thu thập từ nguồn Internet.

4.4. **Phân công bộ phận, công chức** phân nhóm đối tượng theo yêu cầu quản lý để đưa vào danh sách rà soát. **Thực hiện thông báo** đến các tổ chức, cá nhân trong danh sách về việc thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế đối với hoạt động kinh doanh TMĐT.

4.5. **Xây dựng kế hoạch, tham mưu** UBND các tỉnh thành phố trực thuộc TW, đề xuất các phương án, giải pháp phối hợp với các sở ban ngành liên quan, Ngân hàng Thương mại, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông để thu thập đầy đủ, kịp thời thông tin của các tổ chức, cá nhân kinh doanh TMĐT; phối hợp xử lý vi phạm đối với trường hợp không tuân thủ quy định pháp luật thuế.

4.6. **Tăng cường kiểm soát hóa đơn điện tử (HĐĐT)** trong quản lý thuế, chỉ đạo các Phòng, Chi cục Thuế và các bộ phận liên quan yêu cầu các cơ sở kinh doanh thực hiện nghiêm việc xuất HĐĐT, đảm bảo 100% giao dịch được ghi nhận và xuất đầy đủ HĐĐT.

4.7. **Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra** đối với các tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT, kinh doanh trên nền tảng số (chủ sở hữu sàn giao dịch TMĐT, đơn vị vận chuyển, trung gian thanh toán, đại lý của nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, đơn vị truyền thông quảng cáo, ...).

4.8. **Nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo** theo các văn bản chỉ đạo của Tổng cục Thuế đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng hạn.

5. Công văn số 3196/TCT-CS ngày 25/7/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách ưu đãi thuế TNDN

5.1. Về ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến nông sản, thủy sản.

Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế TNDN có phát sinh khoản thu nhập đang được “hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo điều kiện địa bàn ưu đãi đầu tư hoặc theo điều kiện lĩnh vực ưu đãi” theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN, vừa đáp ứng điều kiện hoạt động chăn nuôi, chế biến nông sản và thủy sản theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ thì **doanh nghiệp được lựa chọn** áp dụng **mức ưu đãi thuế có lợi nhất** theo quy định tại Khoản 12 Điều I Luật số 32/2013/QH13 và hướng dẫn tại công văn số 3091/BTC-TCT ngày 08/3/2017 của Bộ Tài chính gửi Cục Thuế các Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng đáp ứng điều kiện ưu đãi về dự án đầu tư mở rộng theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì **phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng phải được hạch toán riêng**. Trường hợp doanh nghiệp **không hạch toán riêng được** phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại thì thu nhập từ hoạt động, đầu tư mở rộng xác định theo **tỷ lệ giữa nguyên giá tài sản cố định** đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trên tổng nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp và phần thu nhập tăng thêm này được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện thực tế doanh nghiệp đáp ứng. Về việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH13 ngày 13/6/2019.

5.2. Về ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư điện mặt trời

Việc **xác định dự án đầu tư đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế** TNDN được hưởng ưu đãi thuế TNDN thực hiện theo quy định của pháp luật thuế TNDN: Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và các Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN; Việc xác định dự án đầu tư thuộc lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, thuộc trường hợp phải báo cáo cơ quan đăng ký đầu tư, thuộc diện được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép hoạt động điện lực hay không phải **thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư** và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan.



6. Công văn số 3195/TCT-CS ngày 25/7/2024 của Tổng cục Thuế về đối tượng chịu lệ phí trước bạ

Tài sản là Nhà, đất thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp các công trình xây dựng gắn liền với đất không phải là Nhà thì không thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ. **Nhà xưởng** theo quy định tại Khoản 25 Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ **thuộc đối tượng miễn lệ phí trước bạ** khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng.

8. Công văn 3220/TCT-CS ngày 26/7/2024 của Tổng cục Thuế về hóa đơn

- Trường hợp nghiệp vụ trả lại hàng hóa của Công ty phát sinh **trước thời điểm** Công ty áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 thì căn cứ Điều 20 và điểm 2.8 Phụ lục 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính để thực hiện.
- Trường hợp nghiệp vụ phát sinh **từ thời điểm** Công ty áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 thì căn cứ nguyên tắc tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP để thực hiện.

7. Công văn số 3219/TCT-CS ngày 26/7/2024 của Tổng cục Thuế về ưu đãi thuế TNDN đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

Trường hợp dự án đầu tư mở rộng của Công ty **đang hưởng ưu đãi theo điều kiện khác** ngoài điều kiện ưu đãi đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thì dự án đầu tư mở rộng **tiếp tục được hưởng ưu đãi** thuế TNDN theo điều kiện dự án sản xuất **sản phẩm công nghiệp hỗ trợ** cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp **Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ**.

9. Công văn 3391/TCT-CS ngày 01/8/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế

Trường hợp Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là doanh nghiệp chế xuất trước ngày Nghị định 18/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, trong giai đoạn từ khi được cấp Giấy chứng nhận đến trước thời điểm Công ty đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan, Công ty chưa được áp dụng chính sách thuế đối với khu phi thuế quan theo Nghị định 82/2018/NĐ-CP, nếu Công ty có nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ hoặc mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong nước, đã nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu hoặc phát sinh số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua trong nước thì **Công ty được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào**.



10. Công văn số 3229/TCT-CS ngày 26/7/2024 của Tổng cục Thuế về vướng mắc trong chính sách thuế

10.1. Về thuế TNDN

- Về thuế nhà thầu nước ngoài, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Trường hợp Công ty ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ trên nền tảng số (nhà thầu nước ngoài) thì thực hiện theo quy định tại Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 81 Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021.
- Trường hợp Công ty chi trả thu nhập cho cá nhân thông qua nhà cung cấp dịch vụ ở nước ngoài, nếu khoản chi này **đáp ứng các điều kiện** quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì được tính vào **chi phí được trừ** khi tính thuế TNDN.

10.2. Thuế TNCN

- Về nguyên tắc đối tượng nộp thuế TNCN là cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế được quy định tại Điều 3 Luật thuế TNCN phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam;
- Trường hợp các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 111/2013/TTBTC ngày 15/08/2013) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải **khấu trừ thuế theo mức 10%** trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân;
- Về **hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh** là cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật được hướng dẫn tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021 của Bộ Tài chính.

11. Công văn 3385/TCT-TTKT ngày 01/8/2024 về rà soát, xử lý hóa đơn không hợp pháp

Theo đó, nội dung công văn nêu rõ căn cứ theo kết quả sơ thẩm vụ án mua bán trái phép hóa đơn xảy ra tại tỉnh Phú Thọ và nhiều tỉnh, thành khác trên cả nước. Tòa án xác định trong thời gian từ tháng 12/2020 đến tháng 10/2022, đối tượng đã trực tiếp hoặc trung gian thông qua **637 doanh nghiệp** để thực hiện bán trái phép hóa đơn GTGT cho 88.053 đơn vị, tổ chức và thành lập 6 công ty tài chính để hợp thức hóa việc thanh toán qua ngân hàng.

Nhằm tiếp tục xử lý thuế đối với các hành vi mua, bán hóa đơn trái pháp luật, Tổng cục Thuế yêu cầu các Cục Thuế:

- Thực hiện khai thác dữ liệu HĐĐT, thu thập hóa đơn giấy của **113 doanh nghiệp** (ngoài 524 doanh nghiệp có hành vi mua, bán hóa đơn trái pháp luật tại Công văn 1798/TCT-TTKT năm 2023 trong tổng số 637 doanh nghiệp bán trái phép hóa đơn GTGT trong vụ án trên) để áp dụng các biện pháp quản lý thuế theo quy định.
- Trường hợp người nộp thuế thuộc cơ quan thuế quản lý có sử dụng hóa đơn của 113 doanh nghiệp do Tổng cục Thuế công bố để kê khai thuế thì xem xét, xử lý thuế, hóa đơn theo quy định và hướng dẫn tại Công văn 1798/TCT-TTKT năm 2023.

Tổng cục Thuế đề nghị các Cục Thuế tiến hành **rà soát, có báo cáo tổng hợp chung** kết quả xử lý về thuế, hóa đơn trước ngày 31/12/2024 gửi về Tổng cục Thuế (Cục TTKT), đối với người nộp thuế đã sử dụng hóa đơn của 637 doanh nghiệp bao gồm:

- 113 doanh nghiệp tại Phụ lục I ban hành kèm theo Công văn 3385/TCT-TTKT năm 2024.
- 524 doanh nghiệp đính kèm tại Công văn 1798/TCT-TTKT năm 2023.

Liên hệ

Bản tin này được ECOVIS AFA VIETNAM cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo, không được xem như ý kiến tư vấn pháp luật cụ thể. Việc áp dụng các thông tin này vào các trường hợp cụ thể có thể không hoàn toàn phù hợp. Để biết thêm thông tin hoặc cần chúng tôi hỗ trợ, vui lòng liên hệ với các chuyên gia của chúng tôi.



Nguyễn Trọng Hiếu
Chủ tịch Hội đồng thành viên
0914 015 678
hie.u.nguyen@ecovis.com.vn



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc
0935 58 3456
trung.pham@ecovis.com.vn



Nguyễn Hải Nam
Phó Tổng Giám đốc
0916 020 113
nam.nguyen@ecovis.com.vn



Trần Dương Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
0916 538 539
nghia.tran@ecovis.com.vn



Nguyễn Trung Dũng
Phó Tổng Giám đốc
0917 705 379
dung.nguyen@ecovis.com.vn



Lê Huy Đông
Trưởng phòng Tư vấn - Đào tạo
0944 322 988
dong.le@ecovis.com.vn



Nguyễn Thị Hiền Giang
Phó phòng Tư vấn – Đào tạo
0933 224 968
giang.nguyen@ecovis.com.vn

